

# **ĐÔNG PHƯƠNG HỌC VIỆT NAM: SỰ KẾ THỪA VÀ CÁC VẤN ĐỀ THỜI SỰ.**

**Bùi Khánh Thế**

Trường Đại Học Khoa Học Xã hội & Nhân văn

(*Bài nhận ngày 11/02/1999*)

"Sau thời kỳ Phương Đông thức tỉnh, cuộc cách mạng hiện đại đã bước vào một thời kỳ mà tất cả các dân tộc ở Phương Đông đều tham gia định đoạt vận mệnh toàn thế giới, chứ không còn chỉ là đối tượng làm giàu của kẻ khác. Các dân tộc ở Phương Đông đang nhận rõ là cần phải hành động thực tiễn, cần phải làm sao cho mỗi dân tộc đều quyết định được vấn đề số phận của cả loài người"

**V.I. LENIN.**

**TÓM TẮT :** Đông phương học (DPH) là ngành khoa học đã có một bề dày lịch sử nhiều thế kỷ. Từ khi ra đời đến nay lĩnh vực nghiên cứu này ngày càng phát triển về lượng và đặc biệt là có sự thay đổi đáng kể về chất. Bắt đầu xuất hiện ở một vài đế quốc phương Tây có quan hệ với các nước hoặc các vùng lãnh thổ thuộc địa ở phương Đông, những bộ phận nghiên cứu các vấn đề liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến Đông phương học lần lượt được tổ chức ở nhiều quốc gia trên thế giới. Một khác trong tiến trình lịch sử của thế giới lại xuất hiện những nhân tố mới tạo điều kiện cho sự hình thành một khuynh hướng mới về Đông phương học. Khuynh hướng mới này đã và đang góp phần làm thay đổi cách nhìn của giới khoa học và cả chính giới đối với Phương Đông.

*DPH ở Việt Nam có từ bao giờ? Tính chất của DPH Việt Nam là gì? Hiện nay DPH Việt Nam có thể góp phần gì vào sự phát triển của đất nước? Bài viết này nhằm bước đầu nêu một số kiến giải về các vấn đề đó.*

## **I. VAI TỬ LIỆU LỊCH SỬ**

1.0. Lần mở các trang sử liệu về Đông phương học có liên quan đến Việt Nam ta có thể ghi nhận hai sự kiện vào khoảng cuối thế kỷ trước đầu thế kỷ này. Một là việc thành lập các cơ quan nghiên cứu theo phương hướng nghiên cứu của Đông phương học Pháp và hai là việc tổ chức tại Hà Nội Hội nghị quốc tế các nhà Đông phương học.

1.1. Trên cơ sở các kinh nghiệm và thành tựu về Đông phương học đã có ở vùng cận Đông, người Pháp đã tổ chức các

cơ quan khảo cứu ở Sài Gòn và Hà Nội mà thời bấy giờ là trung tâm chính trị-văn hóa của toàn Đông Dương thuộc Pháp. Trước tiên đó là Hội khảo cổ học Đông Dương (Mission archeologique d'Indo-Chine) ra đời ở Sài Gòn năm 1898 theo sáng kiến của Viện Hàn lâm bi ký và văn chương Pháp (Academie des inscriptions et belles-lettres). Trên cơ sở đó năm 1901 Trường Viễn Đông bác cổ Pháp (Ecole Francaise d'Extrême-Orient-E.F.E.O) được thành lập và chuyển về Hà Nội. Nhiệm vụ của E.F.E.O là phát hiện, sưu tầm, khai thác và nghiên cứu các di tích khảo cổ, sưu tập các

văn bản chép tay và nghiên cứu các ngôn ngữ ở ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia. Song song với những hoạt động này E.F.E.O còn mở rộng đến các lĩnh vực nghiên cứu, những nền văn minh lớn ở Châu Á là Ấn Độ và Trung Hoa. E.F.E.O cũng bắt tay vào việc xây dựng viện bảo tàng, thư viện ở Hà Nội. Từ những bước khởi đầu đó E.F.E.O phát triển dần đến các lĩnh vực nghiên cứu, bảo trì các di tích khảo cổ và lịch sử Đông Dương như Angkor (Campuchia), Mỹ Sơn, Trà Kiệu, Đông Dương, Tháp Bà... thuộc thời kỳ Champa (Việt Nam), di chỉ cự thạch (menhir) ở Mường Pôn (Lào)...

1.2. Sự kiện thứ hai đánh dấu hoạt động của Đông phương học ở Việt Nam là việc tổ chức tại Hà Nội năm 1902 một cuộc Hội nghị quốc tế các nhà Đông phương học (Congrès international des Orientalistes) và song song với Hội nghị là một cuộc Triển lãm quốc tế để giới thiệu sự đa dạng của tính chất Đông phương hiện diện trên miền đất này. Đây là một sinh hoạt khoa học quốc tế do Toàn quyền Đông Dương bảo trợ trong khuôn khổ hoạt động của Trường Viễn Đông bác cổ Pháp. Tham gia Hội nghị này ngoài các chính khách và các nhà khoa học Pháp còn có đại diện của sáu tổ chức chính phủ từ Áo-Hung, Ý, Nhật, Xiêm, Ấn thuộc Hà Lan và Ấn thuộc Pháp, cũng như hàng trăm nhà khoa học thuộc mấy chục viện nghiên cứu và trường đại học thuộc ba châu lục Á, Âu, Mỹ.

Trong ba ngày Hội nghị tại các phiên họp toàn thể và tiểu ban, nhiều báo cáo rất đa dạng về chủ đề và nội dung đã được trình bày, nhiều quan điểm khoa học về các vấn đề phương Đông được trao đổi. Có những chủ đề, chẳng hạn về phiên âm và cải tiến văn tự, được bàn cãi rất sôi nổi.

1.3. Cuộc Hội nghị nói trên là sinh hoạt khoa học quốc tế thuộc loại sớm nhất ở Việt Nam và phản ánh rất rõ nét hai đặc điểm quan trọng của Đông phương học (ĐPH) thời kỳ đó: Tính liên ngành cũng như tính khu vực và định hướng ứng dụng chính - xã hội. Nội dung các báo cáo được trình bày hoặc gửi đến Hội nghị bao quát nhiều lĩnh vực khoa học xã hội-nhân văn: ngôn ngữ-văn tự, lịch sử, khảo cổ, địa lý, tôn giáo, triết học, văn học nghệ thuật... Đó là những vấn đề của từng quốc gia, từng vùng lãnh thổ hoặc liên quan đến các quan hệ khu vực. Điều đáng chú ý là ý định dùng các kết quả nghiên cứu vào những mục đích chính trị đã được biểu lộ không che giấu trong lời khai mạc của toàn quyền M.Beau, đại diện cho chính quyền thuộc địa: Từ các công trình nghiên cứu của quý vị về quá khứ của bán đảo Đông Dương đã nổi lên những thông tin hữu ích mà chúng tôi có thể khai thác cho việc cai trị các dân tộc hết sức đa dạng đang định cư trên miền đất này. (1.CIO, tr18)

1.4. Tiếp cận sự kiện này từ một hướng khác ta có thể thấy mối quan tâm của khá đông nhà Đông phương học quốc tế ngay từ Hội nghị khoa học được tổ chức lần đầu tiên ở Việt Nam không phải là ngẫu nhiên. Mảnh đất Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung - như các nhà khoa học có mặt ở Hội nghị thống nhất nhận định - là diễn trường lý tưởng cho công cuộc nghiên cứu về Đông phương mà cho đến thời điểm ấy đã có đến ngót một thế kỷ tồn tại và trải qua 13 cuộc gặp mặt quốc tế của các nhà Đông phương học. Bởi vì do vị trí kết nối của hai nền văn minh lớn là Ấn Độ và Trung Hoa, các quốc gia ở miền đất này, trên cơ tầng văn hóa bản địa của mình đã và đang là nơi gặp gỡ nhau, cọ xát với nhau và dung hợp nhau các giá trị

văn hóa độc đáo của nhân loại. Dấu ấn của sự cạnh tranh và cộng tồn ấy ngày nay còn giữ lại trong lòng đất qua các đặc điểm nhân chủng và cả trong các nếp sinh hoạt văn hóa. Cho nên không phải ngẫu nhiên mà sau 13 lần tiến hành tại các nước Tây Âu, vào buổi bình minh của thế kỷ này Hội nghị Đông phương học quốc tế tổ chức lần đầu tiên ở phương Đông được tiến hành tại Hà Nội lại được các học giả, các nhà văn hóa đến từ nhiều nước trên thế giới nồng nhiệt chào đón như sự “đánh dấu cho thời kỳ mới trong lĩnh vực nghiên cứu phương Đông” (Dr. Baelz, 1.CIO; tr.26) khiến cho mọi người có thể “hy vọng vào những vụ mùa trong tương lai” được gặt hái trong “các điều kiện mới” như L.Finot phát biểu trong lời chào mừng và lời kết thúc Hội nghị (1.CIO, tr.20,137).

Phải chăng đây cũng là thời điểm bắt đầu để có thể tạo những điều kiện mới có làm thay đổi dần “cách tiếp cận phương Đông từ bên ngoài (exteriority)”, “đứng xa ra ngoài phương Đông,... tùy thuộc vào phương Tây hơn là phương Đông” (Edward W.Said, 28-29). Qua nội dung của 1.CIO cũng như qua những lời phát biểu trong Hội nghị này ta có thể thấy thoáng hiện ra hai hướng quan tâm đối với ĐPH: a/ khai thác kết quả nghiên cứu để biến thành các kiến thức chính trị phục vụ cho những mục đích cai trị, chinh phục nhân dân bản xứ và b/ tìm thấy ở miền đất này của phương Đông những đối tượng nghiên cứu để mong rút ra được các kiến thức khoa học fích thối.

## **II. ĐƯỜNG VÀO, LỐI RA VÀ MỤC ĐÍCH HƯỚNG TỚI.**

2.1. Từ đầu thế kỷ XX một số người Việt Nam lần lượt bước vào các hoạt động của E.F.E.O với tư cách là những nghiên cứu viên. Nhiều công trình khảo cứu của

các thành viên Việt Nam trong tổ chức E.F.E.O như Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Văn Huyền, Trần Văn Giáp... được giới thiệu khá thường xuyên trên tạp chí của tổ chức này hoặc dưới hình thức ấn phẩm riêng biệt. Tinh phong phú và các nét đặc sắc được thể hiện qua công trình khảo cứu của những tác giả trên cũng như của các nhà nghiên cứu độc lập Đào Duy Anh, Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Đồng Chi, Vũ Ngọc Phan, Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim... đã thu hút sự chú ý của giới Đông phương học quốc tế đến một thế hệ học giả Việt Nam bắt đầu tham gia vào lĩnh vực khoa học này. Điều đáng chú ý là mặc dù cũng có người đã một thời thụ giáo nền cựu học như Bùi Kỷ, Đào Duy Anh..., nhưng tất cả đều trải qua con đường tân học, tức theo hệ thống giáo dục phương Tây. Các công trình khảo cứu của họ được tiến hành theo phương pháp khoa học được tiếp thu từ hệ thống giáo dục đó. Những chủ đề nghiên cứu được thể hiện trong các công trình này, dù lấy đối tượng là Việt Nam hay các nước khác trong khu vực như Nguyễn Văn Tố, Đào Duy Anh, Vũ Ngọc Phan... đã làm, đều thuộc phạm trù các vấn đề của Đông phương học: ngôn ngữ, ngữ văn, nhân chủng, văn hóa, tôn giáo, lịch sử tư tưởng... của các nước phương Đông.

2.2. Kết quả khảo cứu của các tác giả Việt Nam này cũng có thể được nhà cầm quyền lúc bấy giờ sử dụng trong quá trình tìm hiểu và khai thác thuộc địa; tuy nhiên về cơ bản đó không phải là những tác phẩm theo định hướng ĐPH cổ điển phương Tây, cũng không phải theo ĐPH mới hay ĐPH hiện đại ở Mỹ (E.W. Said, tr 283). Dĩ nhiên, thời đó không khỏi có một hạng người “cộng tác với nhà cầm quyền thuộc địa” chiếm lĩnh văn đàn. Dấu sao đó cũng chỉ là các tiếng nói lạc lõng phụ họa

theo cách nghĩ “bá quyền về văn hóa của tư tưởng Châu Âu đối với phương Đông, nhấn mạnh tính ưu việt của châu Âu so với phương Đông lạc hậu” (Edward W.Said, tr.15). Còn phần lớn những sách báo nghiêm túc, có giá trị khoa học và văn chương đích thực đều cho ta thấy tác giả của các công trình ấy được hướng dẫn bởi ý thức quốc gia dân tộc, tinh thần yêu nước, niềm tự hào về truyền thống văn hóa của nhân dân mình. Những nhân tố tích cực ấy trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ dĩ nhiên phải được biểu lộ dưới nhiều hình thức khôn khéo. Trong một chừng mực nhất định có thể nói nếu về phạm vi đề tài và phương pháp nghiên cứu họ có chịu ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp của ĐPH ở con đường dẫn vào khoa học thì lối ra của họ lại nhập cùng một hướng với dòng văn hóa yêu nước, mang tính nhân dân sâu sắc. Phần lớn những trí thức này đã tham gia mặt trận văn hóa cứu quốc, đi vào kháng chiến, góp phần xây đắp các ngành khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam dưới ánh sáng *Đề cương văn hóa* của Đảng.

Diễn biến thực tế ấy không có gì khó hiểu. ĐPH cổ điển phương Tây, trong đó ĐPH Pháp là thành phần quan trọng, khi cấy vào Việt Nam, thì ở miền đất này của phương Đông đã có một nền quốc học vốn được hình thành và phát triển nhiều thế kỷ. Lớp trí thức cựu học của dòng văn hóa bản địa như những chiến sĩ cách mạng trong các hoạt động của mình vẫn tiếp tục vun đắp, củng cố cái nền tảng luôn bám chắc trong lòng đất mẹ, mặc cho chính sách thuộc địa tìm đủ biện pháp để tách hiện tại ra khỏi quá khứ của văn hóa Việt Nam. Dòng thơ văn yêu nước, chống ngoại xâm luôn luôn song hành với những ấn phẩm, báo chí công khai (Nguyễn Xuân Thọ, tr.443-444). Có thể nói chính tinh thần

quốc học truyền thống đó, dù trong hoàn cảnh nào vẫn không ngừng gọi nhắc và có tác dụng dẫn đường cho lớp trí thức tân học Việt Nam.

2.3. Sẽ quá sớm và cũng không khỏi khiên cưỡng nếu nói đến Đông phương học như một thành phần trong hệ thống các khoa học xã hội và nhân văn ngay từ khi nước Việt Nam độc lập sau 2.9.1945 bắt tay vào việc xây dựng nền văn hóa mới của mình. Nhưng cũng không nên quên một điều quan trọng là các ảnh hưởng và các mầm mống của ĐPH vẫn tiềm ẩn đây đó trong nền khoa học và giáo dục truyền thống Việt Nam. Nói đến ảnh hưởng và mầm mống ở đây không chỉ hiểu đơn giản những gì thuộc phạm vi của ĐPH được gọi là truyền thống, những hiện vật văn hóa và những tư liệu khoa học do ĐPH Pháp bàn giao lại cho Việt Nam. Đó cũng không phải chỉ vì Việt Nam là miền đất có nhiều hứa hẹn để việc xây dựng và phát triển một ngành ĐPH có thể đóng góp cho văn hóa chung. Ta đều biết Việt Nam còn tiếp thu ảnh hưởng từ một dòng ĐPH khác, đối lập hẳn với “Đông phương học là một hệ thống những sự kiềm chế và hạn chế về tư tưởng..., chịu sự chi phối của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực chứng, thuyết không tưởng, chủ nghĩa bài chủng...” (Edward W.Said, tr.47-48). Xét về mặt thủ pháp nghiên cứu (procedures), phạm vi và hệ thống đề tài (problematika), dòng Đông phương học sẽ được nói rõ ở đoạn III tiếp theo có thể có nhiều chỗ không khác với khuynh hướng ĐPH được gọi là truyền thống. Nhưng chỗ đứng để tiếp cận vấn đề, mục tiêu của việc nghiên cứu, việc ứng dụng kết quả nghiên cứu là hoàn toàn khác. Để tiện lợi cho sự trình bày tôi đề nghị gọi đó là dòng *Đông phương học khai phóng* (Emancipative Orientalism). Ảnh

hưởng và mầm mống của dòng ĐPH này đã tồn tại khá sớm trong hệ tư tưởng nhân văn Việt Nam và ngày càng trở nên mạnh mẽ do được tiếp nhận thêm những nguồn sinh lực mới.

### **III. TỪ NHỮNG DỰ PHÓNG VỀ PHƯƠNG ĐÔNG ĐẾN DÒNG ĐÔNG PHƯƠNG HỌC KHAI PHÓNG.**

3.1. Nếu ta thừa nhận rằng khoa học, nhất là các khoa học xã hội và nhân văn, luôn luôn gắn với chính trị, thì ĐPH là lĩnh vực minh chứng cho định đề ấy một cách đầy đủ hơn cả. Chẳng những mối liên hệ đó bắt đầu ngay từ khởi điểm của phạm vi nghiên cứu được gọi là ĐPH, mà suốt quá trình biến chuyển của mình ĐPH cũng luôn luôn được sự chi phối của các yêu cầu chính trị. Và ngay cả hiện nay khi từ ĐPH cổ điển Anh-Pháp chuyển sang ĐPH Anh-Pháp nở rộ hay ĐPH mới do Mỹ chi phối thì chúng ta vẫn đứng trước một “thực tế là ĐPH đã được thích ứng với chủ nghĩa đế quốc mới, mà các mô hình chủ yếu của nó không những không mâu thuẫn mà thậm chí còn khẳng định những âm mưu tiếp tục của chủ nghĩa đế quốc nhằm thống trị châu Á” (Edward W.Said, tr.321). Lịch sử của ĐPH cho thấy sự phát triển của lĩnh vực khoa học này thường xuyên phản ánh các biến cố xã hội trong mối quan hệ giữa các nước, các khu và liên quan mật thiết đến các biến cố chính trị trên thế giới, trong đó phải nói đến sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin, trào lưu tư tưởng triết học và chính trị-xã hội lớn của thế giới từ giữa thế kỷ XIX đến nay.

3.2. Ngay từ trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng Sản* K.Marx và F.Engels đã nói về phương Đông trong tinh thần phê phán giai cấp tư sản “bắt phương Đông phải phụ thuộc vào phương Tây” và mặt khác cũng nói đến tác dụng của “việc buôn bán với

thuộc địa, những đất thực dân hóa như thị trường Đông Á và Trung Quốc... đã đem lại một sự phát triển mau chóng cho yếu tố cách mạng trong xã hội phong kiến đang tan rã”. Năm năm sau (1853) K.Marx còn trở lại với vấn đề phương Đông trong các bài viết về Trung Quốc và Ấn Độ, nói đến sứ mạng kép của Anh ở Ấn Độ, trong đó K.Marx nêu lên lần đầu ý niệm về một hệ thống kinh tế châu Á. (K.Marx, 1853).

Phát triển tư tưởng của K.Marx và F.Engels, trong điều kiện lịch sử mới và sau khi lãnh đạo thành công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga, V.I.Lênin đã thổi vào các vấn đề Đông phương một luồng gió mới. Phản ánh các điều kiện lịch sử của thời đại mình, Lênin nói nhiều đến chủ nghĩa đế quốc trong mối liên tưởng của Người với phương Đông - một phương Đông đã thức tỉnh. Lên án chiến tranh đế quốc, và mặt khác Người nói: “Chiến tranh đế quốc cũng đã thức tỉnh phương Đông, đã lôi cuốn các dân tộc ở phương Đông vào đời sống chính trị quốc tế”. Trước sự phát triển đó của tình hình Người kêu gọi các nhà cách mạng “phải biết cách đối xử đúng đắn với các dân tộc phương Đông”, bởi vì “việc liên hệ với các dân tộc phương Đông là đặc biệt quan trọng”. Phương châm hành động đó được nêu lên khi cuộc cách mạng xã hội-lịch sử theo kiểu mới, cách mạng xã hội chủ nghĩa vừa thắng lợi ở Nga, một đất nước giữa Âu và Á, giữa phương Tây và phương Đông, và vẫn đang đương đầu với kẻ thù bên trong và đế quốc can thiệp từ bên ngoài. Nhưng ngay trong hoàn cảnh ấy Lênin với đầy niềm tin đã phát biểu: “Sau thời kỳ phương Đông thức tỉnh, cuộc cách mạng hiện đại đã bước vào một thời kỳ mà tất cả các dân tộc ở phương Đông đều tham gia định đoạt vận mệnh toàn thế giới, chứ không còn chỉ là đối

tượng làm giàu cho kẻ khác. Các dân tộc ở phương Đông đang nhận rõ là cần phải hành động thực tiễn, cần phải làm sao cho mỗi dân tộc đều quyết định được vấn đề số phận của cả loài người” (V.I.Lênin, Báo cáo tại Đại hội II... của các dân tộc phương Đông, tr.371-374). Có nhiều căn cứ thực tế cho phép ta nghĩ rằng văn kiện trên đây của Lênin đã đánh dấu cho bước khởi đầu về mặt lý luận dòng Đông phương học khai phóng.

3.3. Trong quá trình xây dựng nhà nước kiểu mới, Lênin với tư cách là người lãnh đạo tối cao và đồng thời là nhà cách mạng quốc tế đã thể hiện các ý tưởng dự phóng thành hành động và thực tiễn tổ chức xã hội. Một tổ chức có tầm quan trọng lớn và có ảnh hưởng đến dòng Đông phương học khai phóng là Trường Đại học Đông phương (ĐHDP). Từ trước đến nay ta thường nghe nói đến Đại học Đông phương như một trường học của các nhà hoạt động cách mạng phương Đông. Điều đó đúng nhưng chưa đủ. Đây còn là một cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học lớn góp phần đặt nền tảng khoa học xã hội và nhân văn, trong đó có Đông phương học, ở các nước phương Đông. Có thể nói các nhà hoạt động cách mạng đã kinh qua trường này đồng thời cũng là những nhà khoa học được trang bị các công cụ nghiên cứu, tri thức và nhất là phương pháp luận khoa học mới để nhìn nhận sự vật. Nhiều chiến sĩ cách mạng và xã hội sau một quá trình hoạt động khi về đây có dịp trao đổi kinh nghiệm, nêu lên các quan điểm lý thuyết về những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn, trong đó phần lớn là thực tiễn xã hội phương Đông, trong thời đại phương Đông đã trở thành bộ phận của cách mạng thế giới.

Giáo sư sử học Trần Văn Giàu, người đã kinh qua Trường Đại học Đông phương vào những năm 20, cho biết giáo sư đã tiếp nhận từ chương trình học tập, nghiên cứu ở trường này không chỉ tri thức triết học, tri thức về chủ nghĩa Mác-Lênin, tri thức cách mạng, mà còn nhiều hiểu biết phong phú về lịch sử, về xã hội phương Đông. Chẳng hạn như đặc điểm của xã hội phương Đông là gì? Các nước phương Đông đang tiến hành cuộc cách mạng xã hội gì? Sức mạnh của cuộc cách mạng đó là ở đâu? Các xã hội phương Đông có tương quan như thế nào với xã hội phương Tây?...

Các giáo sư giảng dạy ở Trường ĐHDP đều là những người có trình độ chuyên môn cao. Các nhà khoa học đó đã bồi dưỡng cho học viên những tri thức khoa học sâu sắc, phong phú, đồng thời cũng nêu nhiều tấm gương về tinh thần làm việc, phương pháp sư phạm mà ngày nay vẫn là mẫu mực. Có thể gặp ở Trường Đại học Đông phương lúc bấy giờ các học viên người Việt, người Ấn Độ, người Ả Rập và cả những người thuộc các nước cộng hòa Xô Viết phương Đông thời đó. Với cách giảng dạy ấy người học phải tuân theo một phương pháp học tập tương ứng. Và ta không lạ gì khi được biết nhiều người đã kinh qua Trường Đại học Đông phương, về sau đã trở thành những chiến sĩ hoạt động xã hội có tài, những nhà khoa học nổi tiếng. Thuộc số đó có một số chiến sĩ cách mạng vô sản và một số các nhà khoa học Việt Nam thuộc thế hệ đầu. Đó là những nhân vật như Trần Phú, Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong, Nguyễn Khánh Toàn, các liệt sĩ Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Văn Kiệt<sup>(2)</sup> và giáo sư Trần Văn Giàu người vừa được trao tặng giải thưởng khoa học Hồ Chí Minh. Một số luận văn khoa học mà các sinh viên Việt Nam thực hiện trong

thời gian ở trường này cho thấy những đề tài nghiên cứu lúc bấy giờ đã thể hiện tính chất Đông phương học rõ rệt. Đó là các luận văn như của Hà Huy Tập: *Lịch sử Đảng cộng sản Đông Dương trong những năm đầu*, của Nguyễn Khánh Toàn: *Những cuộc khởi nghĩa của nông dân Việt Nam trong thời phong kiến*, của Trần Văn Giàu: *Vấn đề điền địa và nông dân của Đông Dương...* Nguyễn Khánh Toàn trong thời gian này với bút danh là Jorge Robert Minin còn có cuốn sách giáo khoa vào loại sớm nhất về tiếng Việt được giới thiệu ở nước Nga xô viết.

3.4. Trong giai đoạn đầu của thời kỳ xô viết (sau 11. 1917 đến trước 1991) Trường Đại học Đông phương là một bộ phận của nền khoa học Liên Xô. Một định nghĩa trong *Từ điển bách khoa xô viết* (loại nhỏ) cuối những năm 50 ghi nhận: *Những học giả xuất thân từ nhân dân các nước thuộc địa tham gia vào đội ngũ những nhà ĐPH đã phản ánh trong các công trình nghiên cứu của mình hệ tư tưởng của phong trào giải phóng dân tộc... Dòng Đông phương học Mác-xít-Lênin nít lần đầu tiên đã xây dựng một lịch sử chân thực, khoa học về phương Đông, xem xét mọi biến cố lịch sử dưới ánh sáng phân tích các mối quan hệ xã hội và các cuộc đấu tranh của nhân dân bị áp bức, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và xã hội.* Trên một ý nghĩa nào đó có thể nói những ý tưởng dự phóng của Lênin về một phương Đông thức tỉnh đã được hiện thực hóa dưới hình thức dòng Đông phương học khai phóng.

Theo sự phân loại các ngành khoa học vào thời kỳ ấy trong thành phần của Đông phương học xô viết có các cơ sở nghiên cứu và đào tạo như: Viện Đông phương học, Viện Hán học, Viện dân tộc học, Học viện các ngôn ngữ phương Đông về sau đổi

thành Viện các nước Á-Phi thuộc Đại học Quốc gia Moskva (Lomonosov), Khoa Đông phương học thuộc Đại học Quốc gia Leningrad, một số Viện hoặc Phân viện Đông phương học ở các nước Cộng hòa xô viết phương Đông. Như vậy dòng Đông phương học hướng theo ý tưởng của Lênin về một phương Đông thức tỉnh đã trở thành hiện thực và tồn tại, hoạt động trong lòng các nước phương Đông. Dòng ĐPH ấy nhằm phục vụ cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và xã hội, khác hẳn với mục tiêu của ĐPH được gọi là truyền thống ra đời ở phương Tây đế quốc hay ĐPH mới ở Mỹ.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai những nước phương Đông giành được quyền độc lập xây dựng các ngành khoa học xã hội và nhân văn của mình về cơ bản theo đường hướng của dòng ĐPH khai phóng. Cũng cần phải khách quan thừa nhận rằng dòng ĐPH này với các thành tựu của mình đã góp phần làm phong phú và thay đổi cách nhìn của một số nhà ĐPH phương Tây đối với các sự kiện và những truyền thống phương Đông.

Hiện nay danh xưng xô viết không còn được dùng như một định ngữ sau những cơ sở nghiên cứu Đông phương học ở Nga và ở các nước phương Đông thuộc thời đại xô viết. Nhưng tư tưởng khai phóng của dòng ĐPH bắt nguồn từ cảm hứng của Lênin về một phương Đông thức tỉnh vẫn ăn sâu trong định hướng khoa học của nhiều nhà ĐPH cả phương Đông lẫn phương Tây.

#### **IV. ĐÔNG PHƯƠNG HỌC VIỆT NAM - QUÁ TRÌNH TÍCH HỢP NHIỀU NGUỒN**

4.1. Đầu thế kỷ XX các nhà khoa học thế giới đến Hội nghị ĐPH tổ chức tại Việt Nam hầu như chỉ nhìn thấy đất nước này như một đối tượng nghiên cứu của ĐPH truyền thống. Mặc dù họ có thể đánh giá

đối tượng đó là phong phú, là độc đáo..., nhưng có lẽ lúc bấy giờ họ chưa thấy hết được rằng đối tượng này bao gồm cả một nền quốc học trong đó “việc học được coi trọng mà rất ít nước kể cả những nước văn minh có thể có được” (Xem phần I). Chính ý thức dân tộc và tinh thần độc lập tự chủ là chất lọc để cho nhân tố quốc học trong văn hóa Việt Nam khi tiếp xúc với ĐPH truyền thống phương Tây có thể chọn lấy cho mình những gì cần thiết. Có lẽ cũng nên nhắc qua ở đây rằng việc tiếp nhận có chọn lọc là hằng tính vốn có của văn hóa Việt Nam trong quá trình hình thành và phát triển đã thường xuyên tiếp xúc với văn hóa Ấn Độ và văn hóa Trung Hoa. Đó cũng là điều kiện thuận lợi để khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam nhập cuộc thuận lợi vào dòng ĐPH khai phóng.

4.2. Chắc hẳn ĐPH Việt Nam còn phải dày công để nghiên cứu về sự đóng góp của nhân vật lịch sử Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh vào quá trình phát triển của dòng ĐPH khai phóng Việt Nam. Tuy vậy, ngay từ bây giờ với nguồn tư liệu chưa đầy đủ ta cũng đã có thể khẳng định rằng sự đóng góp đó có tầm quan trọng lớn và có tác dụng khơi nguồn.

Người đã sớm tiếp nhận tư tưởng của Lênin về vai trò của phương Đông trong sự nghiệp cách mạng và mặt khác tố cáo sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc đối với “nhân dân bị áp bức ở các nước phương Đông”. Bằng những lời phát biểu và những bài viết đầy sức chiến đấu của mình Người đã làm cho các chiến sĩ quốc tế ngày càng quan tâm đến các vấn đề của phương Đông, góp phần vào việc hoàn chỉnh đường lối cách mạng đối với nhân dân bị áp bức của phương Đông. Trong các tham luận của Người tại các Đại hội quốc tế, trong các bài báo, bài chính luận, luận văn

và cả trong *Bản án chế độ thực dân Pháp* Nguyễn Ái Quốc đề cập đến vừa bao quát vừa cụ thể tình hình của phương Đông, từ lối cai trị của người Anh ở Ấn Độ, Trung Quốc, Xu Đăng, phong trào công nhân ở Viễn Đông, ở Nhật Bản, tình cảnh nông dân ở Việt Nam, Trung Quốc, những vấn đề của châu Á, nông dân Bắc Phi, cuộc khởi nghĩa ở Dahomey, so sánh giữa Đông Dương và Triều Tiên... Người còn đề cập cả các phong trào hoặc tổ chức rất đặc thù của phương như *Phong trào Ela*, một tộc người thiểu số và *Hội Xu Khây* ở Nhật Bản, người Suđơ ở Ấn Độ, sự phân chia bốn loại nông dân ở Nhật trong sự so sánh với các tổ chức công nhân nông nghiệp ở phương Tây...(Hồ Chí Minh toàn tập)

Những miêu tả và nghiên cứu như vậy cả cho đến ngày nay vẫn mang tính thời sự rõ rệt và không phải bất kỳ nhà ĐPH hiện đại nào theo hướng xã hội nhân chủng học cũng có thể đạt tới được. Vào thời bấy giờ được viết và được công bố dưới nhiều hình thức chủ yếu là nhằm phục vụ cho công cuộc đấu tranh giải phóng cho nhân dân bị áp bức, nhưng những công trình của Nguyễn Ái Quốc và các học trò của Người để lại cho khoa học Việt Nam các dấu ấn lịch sử và các giá trị nhân văn hết sức sâu sắc. Có thể nói đó là những đóng góp đầu tiên, quan trọng của Việt Nam cho dòng Đông phương học khai phóng.

4.3. Bắt tay đặt nền móng cho đất nước vừa thoát khỏi ách thực dân trong điều kiện phải huy động phần lớn tiềm lực của nhân dân vào cuộc chiến đấu bảo vệ nền độc lập non trẻ, nhưng Việt Nam không quên dành một bộ phận ưu tú của mình vào sự nghiệp xây dựng khoa học. Trong số những nhà lãnh đạo đầu đàn gây dựng nền khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam ở thời kỳ mới này có hai cụ



sinh viên của Trường Đại học Đông phương mà tiến sĩ sử học Nga Petre Txvetov gọi là thuộc nhóm “ba con cá voi” của ngành sử học Việt Nam. Đó là cố Viện sĩ, Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn và nhà giáo nhân dân, nguyên chủ nhiệm Khoa Khoa học xã hội Trường Đại học tổng hợp Hà Nội, nhà sử học vừa được trao tặng giải thưởng khoa học Hồ Chí Minh, giáo sư Trần Văn Giàu.

Đội ngũ các nhà lãnh đạo hàng đầu và lực lượng nòng cốt của nền khoa học mới được ra đời trong cuộc đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập, bảo vệ phẩm giá của nhân dân và đất nước này là sự hợp lưu của nhiều dòng. Bất chấp những điều kiện sinh hoạt gian khổ và những khó khăn của hai cuộc kháng chiến, nền khoa học mới đó lớn mạnh không ngừng dưới ánh sáng *Đề cương văn hóa* và đường lối phát triển khoa học kỹ thuật của Đảng trong từng chặng đường đi lên của đất nước. Ta không quên là suốt nửa thế kỷ qua các học viện và các Khoa ĐPH thời kỳ xô viết giúp đất nước Việt Nam đào tạo nhiều nhà khoa học thuộc các chuyên ngành khoa học khác nhau. Những mầm mống và ảnh hưởng của dòng ĐPH khai phóng vốn có từ thời kỳ trước lại được bổ sung thêm những nhân tố mới, những tri thức và thành tựu khoa học mới tiếp thu từ ĐPH xô viết. Đúng là trước đây ta không nhắc nhiều đến ĐPH và cũng chưa có dịp làm rõ chỗ khác biệt giữa ĐPH truyền thống đến từ phương Tây và ĐPH theo định hướng của Lenin. Trong quá trình xây dựng nền khoa học Việt Nam vào những giai đoạn trước cũng chưa có nhu cầu hình thành ĐPH ở nước ta như một ngành chuyên biệt. Tuy nhiên các ý tưởng khai phóng vẫn ngày một ngày hai thấm nhuần trong mọi chuyên ngành khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam.

4.4. Sau khi đất nước thống nhất mối quan hệ quốc tế của Việt Nam ngày càng rộng mở. Tình hình đó đòi hỏi các khoa học phải cung cấp cho xã hội, từ các nhà lãnh đạo cho đến người dân bình thường, những hiểu biết về nhân dân và về nền văn hóa của những đất nước mà từ trước đến nay chúng ta chưa hiểu biết nhiều. Trong số đó có nhiều quốc gia láng giềng, nhiều quốc gia ở châu Á và Thái Bình Dương, tức những nước thuộc phương Đông như chúng ta. Để hiểu biết ngày càng đầy đủ, càng sâu những đối tượng này không có con đường nào tối ưu hơn là phương pháp nghiên cứu liên ngành ĐPH, hơn nữa là dòng ĐPH khai phóng.

Ngược về 80 năm trước từ khi Lenin nói đến “thời kỳ phương Đông thức tỉnh”, lịch sử đã lần lượt ghi nhận “các dân tộc phương Đông tham gia định đoạt vận mệnh toàn thế giới” như thế nào về mặt chính trị, mà nổi bật nhất là cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và kết quả là hàng loạt quốc gia thoát khỏi ách thực dân. Ngày nay chúng ta đang chứng kiến một phương Đông thức tỉnh về mặt khoa học kỹ thuật và kinh tế. Nhiều quốc gia phương Đông vốn trước kia nằm trong sự kiểm tỏa, bị lệ thuộc vào các nước đế quốc, hiện nay đang phấn đấu để góp phần làm thay đổi trật tự kinh tế thế giới. Trong tình hình quốc tế luôn biến động và chứa đựng đầy sự bất ngờ và bất trắc ngày nay rõ ràng cuộc đấu tranh kiên trì để “làm sao cho mỗi dân tộc được quyết định vấn đề số phận của cả loài người” vẫn đang là mục tiêu mang tính thời sự.

Hoàn toàn có căn cứ để nói rằng các cơ sở nghiên cứu và đào tạo ra đời ở Việt Nam vào thời gian gần đây, chính là sản phẩm của nhu cầu lịch sử nói trên. Điều cần nhấn mạnh là ĐPH ở Việt Nam hình

thành vào những thập niên cuối thế kỷ XX không phải thuộc các dòng ĐPH mà Edward W.Said đã phê phán trong công trình nghiên cứu nổi tiếng của mình. ĐPH mà chúng ta xây dựng và đào tạo trong giai đoạn này đang phấn đấu theo định hướng khai phóng. Điều đó, theo suy nghĩ của người viết bài này, có nghĩa là chúng ta một mặt tiếp thu có chọn lọc các giá trị khoa học của mấy thế kỷ ĐPH phương Tây, nhưng mặt khác tiếp cận các vấn đề của phương Đông hiện nay từ chỗ đứng và trên tư thế những người làm khoa học của các quốc gia đã được giải phóng về mặt chính trị. Bộ phận phương Đông này, đúng như điều nhận định của Lenin, đang “tham gia định đoạt vận mệnh toàn thế giới”, dự phần vào quá trình điều chỉnh trật tự kinh tế thế giới, đóng góp tích cực cho nền văn hóa chung của nhân loại bằng các giá trị nhân văn vốn có của phương Đông.

4.5. Mặc dù chúng ta đã có những cố gắng không nhỏ để vượt qua nhiều khó khăn ban đầu, góp phần vào việc đào tạo một lớp thanh niên có tri thức, đáp ứng một mảng yêu cầu của đất nước trong giai đoạn hiện đại hóa-công nghiệp hóa hiện nay, nhưng ta cũng biết rõ ngành Đông phương học của trường ĐHKHXH&NV đang còn không ít việc phải làm trước mắt.

Muốn tiếp tục đi lên chúng ta phải có lời giải và cách giải đúng đối với một loạt bài toán. Trong đó quan trọng nhất, theo ý chúng tôi, là những vấn đề sau đây:

4.5.1. Xác định chiến lược phát triển cho lĩnh vực đào tạo này. Trong những năm qua với thực tiễn hoạt động của mình, chúng ta đã trả lời xong câu hỏi “tồn tại hay không tồn tại?”. Giờ đây cần tiếp tục tìm lời đáp cho vấn đề “tồn tại như thế nào?”, cơ cấu tổ chức của ĐPH gồm những chuyên ngành nào, bước đi như thế nào là

thích hợp để xây dựng và hoàn chỉnh cơ cấu ấy?... Điều cần khẳng định là nhiệm vụ nghiên cứu và đào tạo trong lĩnh vực ĐPH là một thành tố trong toàn bộ hệ thống khoa học xã hội và nhân văn của Việt Nam hiện nay. Nó có vị trí chính danh, có đối tượng nghiên cứu đặc thù, lĩnh vực ứng dụng-phục vụ rõ ràng, đem lại những hiệu quả thực sự cả về mặt lý luận cũng như về lợi ích thực tiễn cho đất nước trong giai đoạn lịch sử mới.

4.5.2. Với quan niệm rằng thế hệ đương nhiệm chỉ là chiếc cầu nối của quá khứ và tương lai, chúng ta bằng mọi biện pháp gấp rút xây dựng một lớp cán bộ ĐPH hoàn chỉnh cho tương lai. Được như vậy ta mới có thể tạo ra được một đội ngũ ĐPH của mình có thể đủ sức nghiên cứu các vấn đề của chính nước mình cũng như đối thoại và hợp tác với các nhà ĐPH quốc tế.

Hy vọng với những cố gắng trong giảng dạy và trong việc giáo dục khi sinh viên của chúng ta ra trường dù có làm việc cho bất cứ nơi nào, ngành nào, cương vị nào cũng sẽ không quên nghĩa vụ làm chủ khoa học, làm chủ đất nước. Và từ trong đội ngũ ấy chúng ta có thể phát hiện được những người có tâm huyết và có năng lực để bổ sung cho đội ngũ ĐPH Việt Nam.

4.5.3. Tích lũy kiến thức, như Lenin viết, là một quá trình biện chứng “từ chỗ chưa hiểu biết đến hiểu biết, từ hiểu biết không đầy đủ và không chính xác trở thành đầy đủ hơn và chính xác hơn”. Để hiểu biết, đối với môi trường của chúng ta không có gì tốt hơn là tổ chức việc nghiên cứu. Trong hoàn cảnh hiện nay, vì thế, cần kiên nhẫn tiếp tục tổ chức các cuộc hội nghị khoa học có quy mô nhỏ, hình thức khiêm tốn như kiểu “Các cuộc gặp mặt của những người nghiên cứu về Australia” (1997, 1999), “Đông Nam Á trước ngưỡng

cửa thế kỷ XXI (1997,1998), Các vấn đề Đông Nam Á (1999)...vừa qua với chất lượng ngày càng sâu hơn và cao hơn. Những kiểu sinh hoạt khoa học như vậy không những có thể thu hút, tập hợp lực lượng các nhà khoa học trong và ngoài trường cùng tham gia đóng góp, mà còn có thể đưa lực lượng cán bộ trẻ của chúng ta dần dần nhập cuộc vào việc nghiên cứu.

4.5.4. Việc tích lũy tư liệu cho ngành còn cần được thực hiện qua nhiều hình thức : dịch, viết giáo trình cho sinh viên, kỹ yếu từ các Hội nghị khoa học. Biện pháp này không những phù hợp với khả năng hiện thực của ta mà còn là cần thiết để tiến tới có được những giáo trình, những chuyên luận được nghiên cứu và biên soạn với chất lượng cao đúng với yêu cầu. Từ vốn liếng khiêm tốn ấy ta dần xây dựng thư viện chuyên ngành ĐPH.

5.4.5. Chúng ta cũng cần nghĩ đến sự phát triển của ĐPH ở trường đại học, không phải về số lượng các chuyên ngành, số lượng sinh viên, mà là về chất lượng. Cụ thể đó là tính đến việc mở bậc cao học cho lĩnh vực đào tạo này, trước mắt là chuyên ngành Khu vực học (Areal Studies). Xa hơn nữa, khi có đủ điều kiện, ở Việt Nam hoàn toàn cần thiết phải có bậc đào tạo và nghiên cứu về ĐPH hoàn chỉnh, từ cử nhân, thạc sĩ cho đến tiến sĩ chuyên ngành.

### **GHI CHÚ**

1. Trường Đại học Đông phương (tên gọi rút gọn của Trường Đại học công sản của nhân dân lao động phương Đông) được thành lập năm 1921 tại Moskva và tồn tại trong 20 năm. Từ năm 1929, trên cương vị hoạt động quốc tế của mình lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã cử nhiều cán bộ Việt Nam và một số nước khác ở phương Đông sang học tại trường này. Bản thân Người trong thời gian nghiên cứu ở *Trường Quốc*

*tế Lênin và Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa* cũng như phụ trách tại đây các bài giảng về các vấn đề tổ chức, vấn đề lịch sử Đảng và một số vấn đề khác, đã liên hệ chặt chẽ với nhiều giảng viên và sinh viên thuộc Trường Đại học phương Đông. Theo lời ghi trong sách *Trung Quốc và thanh niên Trung Quốc* do một nhóm sinh viên Trung Quốc học tại Đại học phương Đông soạn thảo thì Nguyễn Ái Quốc là người biên tập sách này. (A.A. Sokolovskaja, trong *Truyền thống Việt Nam II*, bằng tiếng Nga, Moskva 1996, tr 152-153).

2. Nguyễn Văn Kiệt, bí danh là Văn, cùng thuộc nhóm 8 người vượt ngục Tà Lài, sau đó bị bắt trở lại và hy sinh năm 1941.

### **THE VIETNAMESE ORIENTALISM: ITS INHERITANCE AND ACTUAL PROBLEMS**

Bui Khanh The

**ABSTRACT:** Oriental Studies is a specialization in research and training. Although the Faculty of Oriental Studies (FOS) of Vietnam National University- HCM City (VNU-HCMC), officially speaking, was established only five years ago, the seeds of Vietnamese Oriental Studies have been nurtured since the beginning of Vietnamese culture. For several centuries, the development of Orientalism has witnessed not only a single current of Oriental Studies in the world but also several different ones. Oriental Studies have been diversified by the aims of research. These aims, desirable or not, have influenced one another.

The current stream of Oriental Studies in Vietnam, on the one hand, inherits the oriental humanities tradition from Vietnamese culture; on the other hand, it selectively takes in those factors which are favourable to Vietnam to supplement and to enrich the Vietnamese

Vietnam develop in the direction of Emancipative Orientalism, beginning with Lenin's point of view on an awakened orient, by Nguyen Ai Quoc's idea about an orient fighting for the self-liberation from the colonialist yoke, as well as for freedom and independence.

In general, Oriental Studies, from time immemorial, has been a social science which is always closely related to political and ideological aims. Oriental Studies in Vietnam

can be and is indeed a contribution to the modernization and industrialization of our country. We strive by all means in order that the course of research, training and orientation can fulfill its duties reaching the above-mentioned aims. An important goal for the future of FOS in VNU-HCMC as well as of other OS institutions in Vietnam, in my opinion, must be the achievement of a vigorous research agenda and training at both the graduate and post-graduate levels.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh, 1920-1930, Hồ Chí Minh toàn tập [T.1 (1920-1925), T.2 (1925-1930)] Hà Nội, 1980-1981
2. Jamieson, Neil L.1993 Understanding Vietnam. Univ of California Press. Berkeley-Los Angeles-London.
3. Konrad, N.I.,1972 Phương Đông và phương Tây (Bản dịch tiếng Việt), Hà Nội, 1996.
4. Lênin V.I, 1919, Báo cáo tại Đại hội II toàn Nga các tổ chức cộng sản của các dân tộc phương Đông. Trong Lênin toàn tập, T.39.Moskva, 1977.
5. K.Marx và F.Engels, 1848, Tuyên ngôn của Đảng Cộng Sản (Bản dịch tiếng Việt). Trong tuyển tập (Bộ 6 tập), Hà Nội, 198..
6. Karl Marx, 1853, Cách mạng ở Trung Quốc và ở Châu Âu. Trọng: K.Marx, F.Engels tuyển tập T.II, Hà Nội, 1981.
7. Karl Marx, 1853. Sự thống trị của Anh ở Ấn Độ. (Trong K.Marx, F.Engels tuyển tập T.II)  
Hà Nội, 1981.
8. Nguyễn Xuân Thọ, 1995. Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam (1858-1897).
9. Said, Edward W. 1978, Đông phương học (Bản dịch tiếng Việt)  
Hà Nội,1998
10. Taylor, W.Keith.1983. The Birth of Vietnam. Univ of California Press. Berkeley-Los Angeles-London.
11. Tổng tập văn học Việt Nam (T.34). Phần văn học cách mạng, Hà Nội, 1996.
12. Premier congrès international des etudes d'Extreme- Orient- Hanoi 1902 (Compte rendu analytique des séances) ICIO- Hanoi, 1903